TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 648/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2018
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang

2. Bà Nguyễn Thị Vân

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Điệp Lam G, sinh năm 1985, cư trú tại: M, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *(có mặt).*

- *Bị đơn*: Ông Bùi Đức N, sinh năm 1985, cư trú tại: M, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Điệp Lam G trình bày:

Bà và ông N quen biết, tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, quận Y. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác làm nghề bán cà phê, bà đã gặp và khuyên can, người này hứa hẹn sẽ chấm dứt với ông N nhưng hai người vẫn lén lút quan hệ với nhau. Tháng 11/2017 bà có đến chỗ trọ của người phụ nữ này và bắt gặp chồng ăn ngủ ở nhà cô gái này, bà cũng biết việc cô gái này có thai với ông N nhưng sau đó bỏ thai. Ông N cũng thừa nhận với bà mối quan hệ này

nhưng không hứa hẹn sẽ chấm dứt. Gia đình chồng khuyên can nhiều lần tuy nhiên ông N không thay đổi, cho đến nay vẫn còn quan hệ ngoại tình với người phụ nữ đó. Khi bà nộp đơn ly hôn, ông N không có ý kiến gì, còn chụp hình đơn ly hôn gởi cho cô gái đó xem. Hiện nay bà không còn tình cảm gì với ông N, đã chờ đợi ông N thay đổi nhưng vẫn không có kết quả gì nên bà muốn ly hôn, chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Đức B, sinh ngày 03/4/2012 và Bùi Đức L, sinh ngày 17/01/2014. Hai con chung do bà G trực tiếp chăm sóc từ nhỏ. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hiện tại bà G không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn, ông Bùi Đức N mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai đối với yêu cầu ly hôn của bà G, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N vì bà đã chờ đợi, đã cho ông N cơ hội nhưng ông N vẫn không thay đổi, vẫn quan hệ bất chính với người khác, không hứa hẹn gì với bà về việc chấm dứt quan hệ ngoại tình, gia đình cũng đã khuyên can nhiều lần nhưng không được. Từ một năm nay, hai bên tuy sống chung nhà nhưng ở khác phòng, không chuyện trò quan tâm gì đến nhau, không quan hệ vợ chồng, chỉ nói chuyện với nhau khi cần thiết. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống và lo nuôi dạy các con. Về tài sản chung, bà G không yêu cầu giải quyết mà để tự hai bên thỏa thuận. Về nợ chung, bà G khai không có.

Bị đơn, ông Bùi Đức N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, lời khai của nguyên đơn thì quan hệ hôn nhân của bà G và ông N phát sinh mâu thuẫn do ông N có quan hệ ngoại tình. Quá trình giải quyết vụ án, ông N không đến Tòa án để Tòa án hòa giải. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn – bà Trần Điệp Lam G nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là ông Bùi Đức N. Ông N cư trú tại M, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Đức N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà Trần Điệp Lam G:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số I/2011 ngày 21/02/2011 của Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của bà Trần Điệp Lam G và ông Bùi Đức N là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Theo bà G trình bày nguyên nhân do ông N ngoại tình, bà đã chờ đợi và cho ông N thời gian thay đổi nhưng ông N không có hứa hẹn gì và cũng không chấm dứt quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn. Tòa án đã triệu tập ông N để trình bày ý kiến, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do và cũng không có phản hồi nào đối với yêu cầu ly hôn của bà G không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ vợ chồng, ông N đã không chung thủy, vợ chồng không có sự tin tưởng, không còn thương yêu, tôn trọng nhau, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Bà Giang và ông Ngọc có hai con chung tên Bùi Đức B, sinh ngày 03/4/2012 và Bùi Đức L, sinh ngày 17/01/2014. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy 02 trẻ B và L đang còn rất nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Ông N không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà

G. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà G là có căn cứ chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông N do bà G không có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Bà G yêu cầu để hai bên tự thỏa thuận.

[2.4] Về Nợ chung: Bà G khai không có.

Ông N không có ý kiến trình bày về tài sản chung và nợ chung.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu của bà Trần Điệp Lam G là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, bà Trần Điệp Lam G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008134 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Trần Điệp Lam G:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Điệp Lam G được ly hôn với ông Bùi Đức N.

- Về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao bà Trần Điệp Lam G được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa thành niên tên Bùi Đức B, sinh ngày 03/4/2012 và Bùi Đức L, sinh ngày 17/01/2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Bùi Đức N do bà Trần Điệp Lam G không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Ông Bùi Đức N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Do bà Trần Điệp Lam G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008134 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Bà Trần Điệp Lam G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Đức N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- UBND Phường X, Q. Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy